TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 652/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thanh Hương - Nguyên là Hiệu trưởng Trường mầm non Tân Quy.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh - Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Quận 7.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ thường trú: đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: đường P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim L và ông Đoàn Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139-KH/QH, quyển số 01-2002 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2002.

Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng bà hạnh phúc và quan tâm, chăm sóc nhau. Tuy nhiên, sau này vợ chồng bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến thường xuyên cãi vã; vợ chồng

không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng nên năm 2020 bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận D, nhưng bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 173/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020. Sau khi rút đơn khởi kiện thì vợ chồng bà cũng không cải thiện được và mâu thuẫn vẫn thường xảy ra, hai bên đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được và đã sống ly thân được 2 năm. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung là Đoàn Quốc A, sinh ngày 24/02/2001 (Đã thành niên) và Đoàn Ngọc N, sinh ngày 27/03/2009.

Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn - Ông Đoàn Văn T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn có đơn xin vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Bà Trần Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với ông Đoàn Văn T; Địa chỉ cư trú: đường P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét, quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của bà Trần Thị Kim L về việc yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Bà Trần Thị Kim L và ông Đoàn Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139-KH/QH, quyển số 01-2002 ngày 27/12/2002 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Theo bà L trình bày thì trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng bà hạnh phúc và quan tâm, chăm sóc nhau. Tuy nhiên, sau này vợ chồng bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến thường xuyên cãi vã; vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng nên năm 2020 bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận D, nhưng bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 173/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020. Sau khi rút đơn khởi kiện thì vợ chồng bà cũng không cải thiện được và mâu thuẫn vẫn thường xảy ra, hai bên đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được và đã sống ly thân được 2 năm. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để bà L đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm với ông T và đoàn tụ gia đình nhưng bà L cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

[9] Đối với ông T, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng ông chỉ có đơn xin vắng mặt và không đến Tòa giải quyết vụ án, ông cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của bà L và không đưa ra giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, chứng tỏ ông cũng không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà L và không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình.

[10] Như vậy, ông T đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì trình bày của bà L được thừa nhận mà không cần phải chứng minh. Hơn nữa, bà L đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận D, nhưng bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 173/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020, chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng bà L và ông T đã xảy ra trong thời gian dài mà không khắc phục, hàn gắn được. Xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014.

[11] Xét yêu cầu của bà L về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[12] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì bà L và ông T có 02 con chung như sau:

[13] Con chung tên Đoàn Quốc A, sinh ngày 24/02/2001, hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét.

[14] Con chung tên Đoàn Ngọc N, sinh ngày 27/03/2009 thì bà L yêu cầu được nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

[15] Căn cứ vào khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của trẻ Đoàn Ngọc N và trẻ đã trình bày từ nhỏ sống cùng mẹ là bà L và được mẹ thường xuyên gần gũi, chăm sóc và chia sẻ nên trẻ có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bà L.

[16] Xét thấy, bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung từ khi con nhỏ đến nay, chứng tỏ bà L có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con, hơn nữa việc tiếp tục giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi là cần thiết đảm bảo ổn định tâm lý, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con, mặt khác ông T cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của bà L. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà L sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[17] Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[18] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[19] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim L được ly hôn với ông Đoàn

Văn T.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139-KH/QH, quyển số 01-2002 ngày 27/12/2002 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.2. Về con chung:

Con chung tên Đoàn Quốc A sinh ngày 24/02/2001, hiện đã thành niên.

Giao con chung tên Đoàn Ngọc N sinh ngày 27/03/2009 cho bà Trần Thị Kim L được trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Ông Đoàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền, lợi ích hợp pháp của con, sau khi ly hôn các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Thị Kim L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0041993 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Kim L và ông Đoàn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Loan).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thanh Hương Nguyễn Thị Xuân Trinh Đỗ Khắc Dương